TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 24/9/2023
V/v: Tranh chấp về chia di sản thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hoài, Ông Bùi Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuỳ Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST-DS ngày 22/5/2023 về "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS ngày 05/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 18/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị L; Sinh năm 1939; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 02/6/2023); Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn N; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị L1; Sinh năm 1958; Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 06/6/2023); Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị X; Sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 06/6/2023); Có mặt.

3. Ông Hoàng Văn H1; Sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 01/6/2023); Có mặt.

4. Ông Hoàng Văn S; Sinh năm 1961; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 02/6/2023); Có mặt.

5. Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

6. Ông Hoàng Văn A; Sinh năm 1975; Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 08/6/2023); Có mặt.

7. Bà Hoàng Thị L2; Sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H; Sinh năm 1974; Địa chỉ: K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An (Văn bản uỷ quyền ngày 22/6/2023); Có mặt.

8. Ông Hoàng Văn D; Sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại nước A); Đề nghị xét xử vắng mặt.

9. UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Anh Q – Chức vụ: Công chức địa chính xây dựng; Vắng mặt.

10. UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường; Ông Trần Thanh H2 - Chức vụ: Chuyên viên phòng T3; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn cụ Nguyễn Thị L ***và người đại diện theo ủy quyền ông*** Hoàng Văn H ***trình bày:***

Chồng bà Nguyễn Thị L là ông Hoàng Văn T1 (chết năm 2004) không để lại di chúc. Vợ chồng ông bà có 01 thửa đất nguồn gốc do cha ông để lại, là thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05, diện tích 1310m^2 địa chỉ tại khối A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là tổ dân phố A, thị trấn T), thửa đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) số AL 961002 ngày 30/10/2007 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị L. Vợ chồng ông bà có 10 người con chung, gồm: Hoàng Văn N, Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn D và Hoàng Văn T2 (Hoàng Văn T2 đã chết, không có vợ con).

Bà và các con đã họp gia đình để phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn T1 là ½ quyền sử dụng đất nêu trên nhưng ông Hoàng Văn N không thống

nhất, còn ông Hoàng Văn D hiện lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ và không thể liên lạc nên không lập biên bản phân chia di sản thừa kế được. Còn 07 người con gồm: Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1 đồng ý thống nhất chuyển toàn bộ tài sản được hưởng thừa kế theo pháp luật của mình sang cho bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Chia thừa kế cho bà cùng các đồng thừa kế đối với diện tích đất 655m^2 là phần di sản của ông Hoàng Văn T1 để lại thuộc thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể: Tuyên phần diện tích đất mà nguyên đơn được hưởng sau khi phân chia là 1179m^2, bao gồm: phần tài sản riêng của nguyên đơn 655m^2 và phần diện tích đất mà 07 người con là Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1 được chia theo pháp luật và đồng ý để lại cho nguyên đơn là 458,5m^2; Tuyên giao 65,5m^2 đất thuộc phần thừa kế của ông Hoàng Văn D không rõ địa chỉ giao cho ông Hoàng Văn H quản lý; Tuyên ông Hoàng Văn N được hưởng phần thừa kế là 65,5m^2. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh có hiện trạng sử dụng với diện tích 1472,8m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị L diện tích 59,9m^2 trị giá 74.410.000 đồng, vì vậy bà Nguyễn Thị L đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh chia thừa kế của ông Hoàng Văn T1 theo hiện trạng sử dụng đất và ½ ngôi nhà nói trên.

Tại biên bản lấy lời khai đối với bị đơn ông Hoàng Văn N***, ông*** N ***trình bày:*** Bố ông là ông Hoàng Văn T1 (đã chết năm 2004) và mẹ ông là bà Nguyễn Thị L, có 10 người con gồm: Hoàng Văn N, Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn D và Hoàng Văn T2 (Hoàng Văn T2 đã chết, không có vợ con). Bố mẹ ông có thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AL 961002 ngày 30/10/2007 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị L. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn T1, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông đề nghị Toà án không tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt ông.

Tại bản tự khai, văn bản từ chối nhận di sản bà Hoàng Thị L1***, ông*** Hoàng Văn S***, bà*** Hoàng Thị X***, ông*** Hoàng Văn H***, ông*** Hoàng Văn A***, bà*** Hoàng Thị L2 ***và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:***

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Hoàng Thị L1, ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị L2 tự nguyện từ chối nhận tài sản được thừa kế và đồng ý chuyển phần tài sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị L.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Hoàng Văn H1 ***trình bày:*** Hiện nay mẹ anh là bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà

án chia di sản của bố anh là ông Hoàng Văn T1 để lại tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Trên đất có 01 ngôi nhà do anh xây dựng khoảng năm 2010, khi xây được sự đồng ý của bà L. Nay anh tự nguyện để lại phần di sản anh được hưởng và tài sản của anh là ngôi nhà nói trên cho bà Nguyễn Thị L.

Tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 27/7/2023, ông Hoàng Văn D ***trình bày:*** Ông có nơi đăng ký HKTT và cư trú cuối cùng tại tổ dân phố A, thị trấn T, tỉnh Hà Tĩnh. Ông hiện đang lao động tại nước A, ông đi từ năm 2018 đến nay chưa về nước lần nào, ông không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án.Về việc Tòa án nhân dân tỉnh hiện nay thụ lý giải quyết việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế ông đã được biết, nay ông có ý kiến: nếu các anh chị em của ông được chia đất và về ở trên đất thì ông đồng ý và từ chối nhận phần tài sản mà ông được chia; còn nếu sau khi được chia mà bán đất cho người khác thì ông không đồng ý để lại phần tài sản ông được hưởng. Ông có nguyện vọng được chia phần đất gần nhà thờ và gần phần đất của ông Hoàng Văn N. Ông không đồng ý nhận bằng tiền, phần diện tích đất ông được hưởng ông đề nghị Tòa án tạm giao cho ông Hoàng Văn N quản lý, sau này nếu có tranh chấp thì giải quyết. Hiện nay ông chưa thể về Việt Nam để tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án nên ông đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt ông. Ông đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho ông qua vợ ông là bà Vũ Thị Đ, địa chỉ: Tổ dân phố A thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Bà Vũ thị Đ1 đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và cam kết giao lại cho ông Hoàng Văn D.

Ý kiến của UBND thị trấn T***,*** huyện T, tỉnh Hà Tĩnh***:*** Về nguồn gốc thửa đất: Theo hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299 của Chính phủ, lưu trữ tại địa phương, thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 411, tờ bản đồ số 4, diện tích 1372m^2, loại đất ký hiệu "T", chủ sử dụng ghi "Hoàng Tiến" (tức ông Hoàng Văn T1). Theo hồ sơ đo đạc 371 thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 5, diện tích 1310m^{2,} loại đất ký hiệu "T", chủ sử dụng ghi "Hoàng Văn T1" đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AL 961002 ngày 30/10/2007 cho hộ và Nguyễn Thị L là vợ ông Hoàng Văn T1. Theo hồ sơ đo đạc năm 2012 thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 64, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1472,8m^2, tăng so với GCNQSD đất đã cấp là 162,8m^2. Diện tích tăng lên 162,8m^2 không thuộc trường hợp lấn, chiếm, không nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho của người khác, sử dụng ổn định không tranh chấp.

Ý kiến của UBND huyện T***, tỉnh Hà Tĩnh:*** Về thông tin thửa đất theo hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ: Theo bản đồ 299 lập năm 1988, xã T (cũ): thuộc thửa số 411, tờ bản đồ số 4, diện tích 1372m^2, loại đất ký hiệu "T", chủ sử dụng ghi "Hoàng Tiến" (tức ông Hoàng Văn T1). Theo bản đồ 371 lập năm 1996, xã T (cũ) thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc 01 phần thửa đất số 279, tờ bản đồ số 5, diện tích 1310m^{2,} loại đất ký hiệu "T", chủ sử dụng ghi "Hoàng Văn T1" đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AL 961002 ngày 30/10/2007 cho hộ

và Nguyễn Thị L là vợ ông Hoàng Văn T1. Theo hồ sơ đo đạc năm 2012, thị trấn T, thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 64, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1472,8m^2, tăng so với GCNQSD đất đã cấp là 162,8m^2. Theo kết quả xác minh nguồn gốc sử dụng đất của thị trấn T diện tích tăng lên 162,8m^2 không thuộc trường hợp lấn, chiếm, không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, được sử dụng ổn định, không tranh chấp, do đó có cơ sở để xem xét xử lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm nói trên.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 17/8/2023: Thửa đất có diện tích 1472,8m^2, có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp hộ ông Võ Quốc N1, Phía Nam giáp đường ngõ dân cư, Phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Công Đ2 và hộ bà Nguyễn Thị Đ3, Phía Đông giáp đường giao thông. Diện tích đất tăng 162,8m^2 so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL961002 cấp ngày 30/7/2007 của hộ bà Nguyễn Thị L, tổng giá trị thửa đất 676.950.000 đồng.

Về tài sản trên đất:

- Tài sản của cụ Nguyễn Thị L: Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2, và 01 ngôi nhà liền kề xây bao xây năm 2016, mái lợp bờ rô xi măng 31,3m^2, nền lát gạch ceramic, có 01 mái che khung khép lợp tôn 45,5m^2, sân láng xi măng 91 m^{2,} , tường rào về phía nam dài 44m, cao 1m, cổng thép 6m, có 01 số cây không có giá trị. Trong đó, 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2 là tài sản chung của cụ L và cụ T1 có giá trị 74.410.000 đồng. Số tài sản còn lại được xây dựng sau khi cụ T1 chết là tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị L có giá trị 96.117.000 đồng.

- Tài sản của anh Hoàng Văn H1: có 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 2013, xây bao, tường vôi, có hệ thống điện nước, nhà vệ sinh, nhà bếp, mái lợp bờ rô xi măng nền lát gạch ceramic, diện tích 70,6 m^2; có móng không trụ 41,7 m; tổng giá trị: 204.708.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 636, 637, 638, 678, 679, 688 của Bộ luật Dân sự năm 1995 ; các điều 631, 634, 648, 671, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, khoản 2 Điều 616, điểm c khoản 2 Điều 618, Điều 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản

5 Điều 98, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai năm 2013, điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Hoàng Văn T1 để lại gồm 736,4m$^{2.}$ diện tích đất thuộc thửa số 382 tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và ½ ngôi nhà cấp 4 trên đất trị giá 37.205.000 đồng cho các đồng thừa kế như sau:

- Chia cho cụ Nguyễn Thị L được hưởng 8 kỹ phần tương ứng với diện tích 589,12m^2, cộng với tài sản riêng của cụ L là ½ thửa đất 382 tờ bản đồ số 05 là 736,4m^2, tổng diện tích cụ Nguyễn Thị L được quyền sử dụng là 1.325,5m^2 (trong đó đất ở 180m^2, đất trồng cây lâu năm 1145,52m^2), theo sơ đồ phân chia diện tích quy tròn là 1324,8m^2, lô đất ký hiệu 1/1324,8 (số thửa, diện tích). Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2, và 01 ngôi nhà liền kề xây bao xây năm 2016, mái lợp bờ rô xi măng 31,3m^2, nền lát gạch ceramic, có 01 mái che khung khép lợp tôn 45,5m^2, sân láng xi măng 91 m^{2,}, cổng thép 6m, có 01 số cây không có giá trị; 01 ngôi nhà cấp 4, xây bao, tường vôi, có hệ thống điện nước, nhà vệ sinh, nhà bếp, mái lợp bờ rô xi măng nền lát gạc ceramic, diện tích 70,6 m^2; có móng không trụ 41,7 m^2.

- Chia cho ông Hoàng Văn N được hưởng 01 kỹ phần và được quản lý 01 kỹ phần của ông Hoàng Văn D, tổng diện tích 147,28m^2 (trong đó đất ở 20m^2, đất trồng cây lâu năm 127,2m^2), theo sơ đồ phân chia diện tích quy tròn là 148,0m^2, lô đất ký hiệu 2/148,0m^2 (số thửa, diện tích).Trên đất có tường rào về phía Nam dài 44m, cao 1m tường rào trị giá 11.220.000 đồng.

Cụ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền 7.441.000 đồng giá trị căn nhà được chia, tuy nhiên xét thấy trên phần đất được chia ông Hoàng Văn N được sử dụng tường rào trị giá 11.220.000 đồng nên khấu trừ cho nhau. Cụ L không yêu cầu ông N phải thanh toán lại tiền chênh lệch.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai về sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 382 tờ bản đồ số 05 tại tổ dân phố A thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh

- Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí, chi phi tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế. Tài sản tranh chấp tại huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, trong số các đương sự có ông Hoàng Văn D hiện đang lao động tại nước ngoài. Theo công văn số

11418/QLXNC-P5 ngày 03/6/2022 của Cục Q1 thì ông Hoàng Văn D, sinh ngày 02/5/1966 đã nhập cảnh 8 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 11/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định. Bị đơn ông Hoàng Văn N đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng văn D1 tuy thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ. Vợ ông Hoàng Văn D là bà Vũ Thị Đ thường xuyên liên lạc với ông D nên đồng ý nhận các văn bản tố tụng và cam kết giao lại cho ông Hoàng văn D1. Vì vậy Toà án giải quyết theo thủ tục người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình dấu địa chỉ. Do không thể về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án nên ông Hoàng văn D1 yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án, các tài liệu liên quan đến vụ án ông D1 đề nghị Toà án gửi về cho bà Vũ Thị Đ qua đường bưu điện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn T, UBND huyện T vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn D, UBND thị trấn T, UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu để chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ông Hoàng Văn T1 chết năm 2004 nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T1 vẫn còn.

[2] Về hàng thừa kế: Xét vợ chồng cụ Nguyễn Thị L và cụ Hoàng Văn T1 có 10 người con chung gồm: Hoàng Văn N, Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn D và Hoàng Văn T2 (Hoàng Văn T2 đã chết, không có vợ con). Cụ Hoàng Văn T1 chết năm 2004, khi chết cụ T1 không để lại di chúc nên thuộc trường hợp chia thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a Điều 678 Bộ luật Dân sự năm 1995. Theo quy định tại khoản 1 Điều 636, khoản 1 Điều 638, Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì cụ Nguyễn Thị L, ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị L1, ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn A, bà Hoàng Thị L2, ông Hoàng Văn H1, ông Hoàng Văn D là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Văn T1 nên được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ T1 để lại.

[3] Về nguồn gốc di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AL 961002 ngày 30/10/2007 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị L là do cha ông để lại. Theo hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299 của Chính phủ, lưu trữ tại địa phương, thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 411, tờ bản đồ số 4, diện tích 1372m^2, loại đất ký hiệu "T", chủ sử dụng ghi "Hoàng Tiến" (tức ông Hoàng Văn T1). Theo hồ sơ đo đạc 371 thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 5, diện tích 1310m^{2,} loại đất ký hiệu "T", chủ sử dụng ghi "Hoàng Văn T1" đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AL 961002 ngày 30/10/2007 cho hộ

và Nguyễn Thị L là vợ ông Hoàng Văn T1. Theo hồ sơ đo đạc năm 2012 thửa đất ông Hoàng Văn T1 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 64, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1472,8m^2, tăng so với GCNQSD đất đã cấp là 162,8m^2. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2023 hiện trạng sử dụng là 1472,8m^2 (trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây lâu năm 1272,8m^2 = 676.950.000 đồng; đất ở có giá trị 2.994.000 đồng/m^2; đất trồng cây lâu năm có giá trị 61.400 đồng/m^2). Diện tích tăng so với GCNQSD đất đã cấp là 162,8m$^{2.}$. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 07/9/2023, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị Toà án tiến hành chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Hoàng Văn T1 để lại theo hiện trạng sử dụng đất và ½ ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị L diện tích 59,9m^2 trị giá 74.410.000 đồng. Theo ý kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn T và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đối với diện tích tăng lên 162,8m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp không thuộc trường hợp lấn, chiếm, không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, được sử dụng ổn định, không tranh chấp, do đó có cơ sở để xem xét xử lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm nói trên. Theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013, khoản 20 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thuộc trường hợp được xem xét cấp sổ đỏ đối với diện tích đất tăng thêm. Do đó Toà án tiến hành chia di sản của cụ Hoàng Văn T1 theo hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Do cụ Hoàng Văn T1 chết không để lại di chúc nên di sản sẽ được chia theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 678 Bộ luật Dân sự 1995, Cụ Nguyễn Thị L khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Hoàng Văn T1 được chấp nhận.

[4] Phân chia di sản thừa kế: Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định tài sản chung của cụ Hoàng Văn T1 và cụ Nguyễn Thị L gồm 1472,8m^2 tại thửa đất 382 tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2 nền lát gạch ceramic mái tôn trị giá 74.410.000 đồng. Như vậy, di sản của cụ Hoàng Văn T1 để lại là ½ diện tích thửa đất 382 tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh theo hiện trạng sử dụng là 736,4m$^{2.}$, trị giá 676.950.000 đồng/2=338.475.000 đồng và ½ 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2 nền lát gạch ceramic mái tôn trị giá 74.410.000 đồng/2=37.205.000 đồng, chia đều cho 10 kỹ phần bằng nhau, gồm: Nguyễn Thị L, Hoàng Văn N, Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn D; mỗi kỹ phần được hưởng 73,64 m^2 diện tích đất (trong đó 10m^2 đất ở và 63,64m^2 đất trồng cây lâu năm và 3.720.500đ). Do các ông bà Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2,

Hoàng Văn H1 tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế và tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản mà mình được hưởng cho cụ Nguyễn Thị L, cụ L đồng ý nhận kỹ phần được tặng cho. Xét đây là sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy cụ Nguyễn Thị L sẽ được nhận 8 phần x 73,64m^2 = 589,12 m^2 diện tích đất và 8 phần x 3.720.500đ = 29.764.000 đồng trị giá căn nhà. Ông Hoàng Văn N được nhận 01 phần là 73,64m^2 diện tích đất và số tiền 3.720.500đ, ông Hoàng Văn D được nhận 01 phần là 73,64m^2 diện tích đất và số tiền 3.720.500đ trị giá căn nhà, do hiện nay ông Hoàng Văn D đang lao động tại nước ngoài, ông D có ý kiến yêu cầu được chia phần đất gần nhà thờ, gần với đất chia cho ông Hoàng Văn N và yêu cầu Toà án tạm giao kỹ phần tài sản ông D được chia cho ông N quản lý. Do vậy, chia cho ông N diện tích đất 73,64m^2 và được quyền quản lý sử dụng diện tích 73,64m^2 của ông Hoàng Văn D, tổng diện tích là 147,28m^2 và số tiền 7.441.000 đồng giá trị căn nhà. Xét cụ Nguyễn Thị L hiện đang quản lý sử dụng căn nhà cấp 4 nên cần chia cho cụ L nhận hiện vật, cụ L có nghĩa vụ đưa lại cho ông Hoàng Văn N số tiền 7.441.000 đồng.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên thửa đất còn có 01 ngôi nhà liền kề xây bao xây năm 2016, mái lợp bờ rô xi măng 31,3m^2, nền lát gạch ceramic, có 01 mái che khung khép lợp tôn 45,5m^2, sân láng xi măng 91 m^{2,}, tường rào về phía nam dài 44m, cao 1m, cổng thép 6m, có 01 số cây không có giá trị là tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị L. Đối với tài sản của anh Hoàng Văn H1 gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 2013, xây bao, tường vôi, có hệ thống điện nước, nhà vệ sinh, nhà bếp, mái lợp bờ rô xi măng nền lát gạch ceramic, diện tích 70,6 m^2; có móng không trụ 41,7 m. Anh H1 tự nguyện tặng cho cụ Nguyễn Thị L, cụ Nguyễn Thị L đồng ý nhận nên cần ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, và giao những tài sản trên cho cụ Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng.

Như vậy thửa đất 382 tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh được chia tách thành 02 thửa, cụ thể:

- Chia cho cụ Nguyễn Thị L được hưởng 8 kỹ phần tương ứng với diện tích 589,12m^2, cộng với tài sản riêng của cụ L là ½ thửa đất 382 tờ bản đồ số 05 là 736,4m^2, tổng diện tích cụ Nguyễn Thị L được quyền sử dụng là 1.325,5m^2 (trong đó đất ở 180m^2, đất trồng cây lâu năm 1145,52m^2), theo sơ đồ phân chia diện tích quy tròn là 1324,8m^2, lô đất ký hiệu 1/1324,8 (số thửa, diện tích).

Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2, và 01 ngôi nhà liền kề xây bao xây năm 2016, mái lợp bờ rô xi măng 31,3m^2, nền lát gạch ceramic, có 01 mái che khung khép lợp tôn 45,5m^2, sân láng xi măng 91 m^{2,}, cổng thép 6m, có 01 số cây không có giá trị; 01 ngôi nhà cấp 4, xây bao, tường vôi, có hệ thống điện nước, nhà vệ sinh, nhà bếp, mái lợp bờ rô xi măng nền lát gạc ceramic, diện tích 70,6 m^2; có móng không trụ 41,7 m^2.

- Chia cho ông Hoàng Văn N được hưởng 01 kỹ phần và được quản lý 01 kỹ phần của ông Hoàng Văn D, tổng diện tích 147,28m^2 (trong đó đất ở 20m^2,

đất trồng cây lâu năm 127,2m^2), theo sơ đồ phân chia diện tích quy tròn là 148,0m^2, lô đất ký hiệu 2/148,0m^2 (số thửa, diện tích).

Trên đất có tường rào về phía Nam dài 44m, cao 1m tường rào trị giá 11.220.000 đồng.

Cụ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền 7.441.000 đồng giá trị căn nhà được chia, tuy nhiên xét thấy trên phần đất được chia ông Hoàng Văn N được sử dụng tường rào trị giá 11.220.000 đồng nên khấu trừ cho nhau. Cụ L không yêu cầu ông N phải thanh toán lại tiền chênh lệch.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai về sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 382 tờ bản đồ số 05 tại tổ dân phố A thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Bà Nguyễn Thị L, Ông Hoàng Văn N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 636, 637, 638, 678, 679, 688 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 631, 634, 648, 671, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, khoản 2 Điều 616, điểm c khoản 2 Điều 618, Điều 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai năm 2013, điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T1, xác định di sản cụ Hoàng Văn T1 để lại là 736,4m^2, trị giá 338.475.000 đồng đất thuộc thửa số 382 tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và ½ 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất trị giá 37.205.000 đồng.

2. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản giữa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Hoàng Thị L1, Hoàng

Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A; Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1 đối với nguyên đơn cụ Nguyễn Thị L.

3. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Hoàng Văn T1 để lại gồm 736,4m$^{2.}$ diện tích đất thuộc thửa số 382 tờ bản đồ số 05 tại khối A (nay là tổ dân phố A) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và ½ ngôi nhà cấp 4 trên đất trị giá 37.205.000 đồng cho các đồng thừa kế gồm: cụ Nguyễn Thị L và các ông bà Hoàng Văn N, Hoàng Thị L1, Hoàng Văn S, Hoàng Thị X, Hoàng Văn H, Hoàng Văn A, Hoàng Thị L2, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn D như sau: *(có sơ đồ kèm theo bản án)*

- Chia cho cụ Nguyễn Thị L được hưởng 8 kỹ phần tương ứng với diện tích 589,12m^2, cộng với tài sản riêng của cụ L là ½ thửa đất 382 tờ bản đồ số 05 là 736,4m^2, tổng diện tích cụ Nguyễn Thị L được quyền sử dụng là 1.325,5m^2 (trong đó đất ở 180m^2, đất trồng cây lâu năm 1145,52m^2), theo sơ đồ phân chia diện tích quy tròn là 1324,8m^2, lô đất ký hiệu 1/1324,8 (số thửa, diện tích). Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 được xây năm 1998, nhà gỗ xây bao có hệ thống điện nước 59,9m^2, và 01 ngôi nhà liền kề xây bao xây năm 2016, mái lợp bờ rô xi măng 31,3m^2, nền lát gạch ceramic, có 01 mái che khung khép lợp tôn 45,5m^2, sân láng xi măng 91 m^{2,}, cổng thép 6m, có 01 số cây không có giá trị; 01 ngôi nhà cấp 4, xây bao, tường vôi, có hệ thống điện nước, nhà vệ sinh, nhà bếp, mái lợp bờ rô xi măng nền lát gạc ceramic, diện tích 70,6 m^2; có móng không trụ 41,7 m^2.

- Chia cho ông Hoàng Văn N được hưởng 01 kỹ phần và được quản lý 01 kỹ phần của ông Hoàng Văn D, tổng diện tích 147,28m^2 (trong đó đất ở 20m^2, đất trồng cây lâu năm 127,2m^2), theo sơ đồ phân chia diện tích quy tròn là 148,0m^2, lô đất ký hiệu 2/148,0m^2 (số thửa, diện tích).Trên đất có tường rào về phía Nam dài 44m, cao 1m tường rào trị giá 11.220.000 đồng.

Cụ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền 7.441.000 đồng giá trị căn nhà được chia, tuy nhiên xét thấy trên phần đất được chia ông Hoàng Văn N được sử dụng tường rào trị giá 11.220.000 đồng nên khấu trừ cho nhau. Cụ L không yêu cầu ông N phải thanh toán lại tiền chênh lệch.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai về sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 382 tờ bản đồ số 05 tại tổ dân phố A thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh

4. Về án phí: Cụ Nguyễn Thị L, Ông Hoàng Văn N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ. Ông Hoàng Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục T.H.A.D.S tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Ngân